

**CĂN CỨ BỒI THƯỜNG TRONG HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀI SẢN: BẮT CẬP
VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN**

PHẠM THỊ VIỆT*

Ngày nhận bài: 16/07/2025

Ngày phản biện: 05/08/2025

Ngày đăng bài: 30/09/2025

Tóm tắt:

Căn cứ bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản là nền tảng pháp lý nhằm xác định phạm vi và mức độ trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp bảo hiểm. Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã thiết lập những nguyên tắc cơ bản, song còn bộc lộ nhiều hạn chế như khái niệm chưa được cụ thể hóa, thiếu tiêu chí thống nhất để định giá tài sản và thiệt hại, cơ chế giám định độc lập chưa rõ ràng, và tình trạng bảo hiểm dưới giá trị chưa được kiểm soát hiệu quả. Những bất cập này dẫn đến nguy cơ doanh nghiệp bảo hiểm áp đặt cách tính bất lợi cho bên mua, làm gia tăng tranh chấp và suy giảm chức năng bảo vệ của bảo hiểm tài sản. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao tính minh bạch, công bằng và hiệu quả của hợp đồng bảo hiểm tài sản.

Từ khóa:

Căn cứ bồi thường; hợp đồng bảo hiểm tài sản; bắt cập; giải pháp.

Abstract:

The basis of indemnity in property insurance contracts constitutes the legal foundation for determining the scope and extent of the insurer's liability to indemnify. The Law on Insurance Business 2022 has established fundamental principles, yet it still reveals significant shortcomings, such as the lack of clear conceptualization, the absence of unified criteria for asset valuation and loss assessment, the absence of a transparent mechanism for independent loss adjustment, and ineffective control over underinsurance. These deficiencies create risks of insurers imposing unfavorable calculations on policyholders, thereby increasing disputes and undermining the protective function of property insurance. On the basis of both theoretical and practical analysis, this article proposes legal reforms aimed at enhancing transparency, fairness, and effectiveness in property insurance contracts.

Keywords:

Basis for indemnity; property insurance contract; shortcomings; legal reforms.

* NCS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: ptviet.dhl23@hueuni.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Bảo hiểm tài sản là công cụ pháp lý quan trọng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trước những rủi ro gây thiệt hại về tài sản. Trong quan hệ hợp đồng bảo hiểm tài sản, việc xác định căn cứ để doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện nghĩa vụ bồi thường giữ vai trò then chốt, bởi nó trực tiếp quyết định phạm vi và mức độ trách nhiệm bồi thường, đồng thời phản ánh sự công bằng trong phân chia rủi ro giữa các bên. Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, đặc biệt là Điều 51 đã ghi nhận những căn cứ bồi thường, như giá trị thị trường, mức độ thiệt hại thực tế và giới hạn số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy các quy định này vẫn còn khái quát, thiếu tiêu chí cụ thể, chưa có cơ chế giám định độc lập và định giá khách quan, dẫn đến khó khăn trong việc bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm. Do đó, việc phân tích quy định pháp luật về căn cứ bồi thường, chỉ ra những bất cập trong thực tiễn và đề xuất giải pháp hoàn thiện là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao tính minh bạch, công bằng và hiệu quả của hệ thống pháp luật bảo hiểm ở Việt Nam.

2. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc của căn cứ bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản

2.1. Khái niệm, đặc điểm của căn cứ bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản

Theo Từ điển Tiếng Việt, “căn cứ” được hiểu là cơ sở để dựa vào nhằm lập luận hoặc hành động¹, còn “bồi thường” nghĩa là đền bù bằng tiền những thiệt hại về vật chất và tinh thần mà mình phải chịu trách nhiệm². Vận dụng trong khoa học pháp lý, căn cứ được hiểu là cơ sở pháp lý trực tiếp để xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong một quan hệ pháp luật. Theo Từ điển và bách khoa toàn thư trực tuyến chuyên ngành bảo hiểm, theo đó cơ sở bồi thường (indemnity basis) đề cập đến số tiền mà công ty bảo hiểm sẽ chi trả cho một yêu cầu bồi thường, căn cứ vào các điều khoản được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Điều này có nghĩa là công ty bảo hiểm có thể thanh toán toàn bộ hoặc một phần thiệt hại, mất mát, tùy thuộc vào các điều khoản cụ thể của hợp đồng³.

Từ những tiếp cận trên, có thể rút ra rằng: Căn cứ bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản là chuẩn mực pháp lý được thiết lập từ thỏa thuận của các bên trong khuôn khổ pháp luật, làm nền tảng để xác định phạm vi và mức độ trách nhiệm bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm phát sinh.

Như vậy, căn cứ bồi thường chính là yếu tố trực tiếp chi phối việc xác định số tiền

¹ Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng, tr.118.

² Viện Ngôn ngữ học (2003), *sđd*, tr.82.

³ Insuranceopedia. (2025, January 9). *Indemnity basis*. Insuranceopedia, truy cập tại <https://www.insuranceopedia.com/definition/5800/indemnity-basis-insurance>, truy cập ngày 27/8/2025.

bồi thường, có thể là toàn bộ hoặc một phần thiệt hại, tùy theo cơ chế đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Từ bản chất đó, căn cứ bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản mang những đặc điểm cơ bản sau đây:

Một là, căn cứ bồi thường được xác lập từ thỏa thuận hợp đồng trong khuôn khổ pháp luật. Nguồn trực tiếp của căn cứ bồi thường là các điều khoản trong hợp đồng bảo hiểm (số tiền bảo hiểm, mức khấu trừ, cơ sở định giá, giới hạn trách nhiệm phụ...).⁴ Tuy nhiên, sự thỏa thuận này không thể vượt ra ngoài khuôn khổ các nguyên tắc pháp luật bắt buộc, đặc biệt là nguyên tắc bồi thường.

Hai là, căn cứ bồi thường mang tính giới hạn và định lượng. Căn cứ bồi thường không chỉ nhằm xác định sự tồn tại hay không của quyền yêu cầu bồi thường, mà còn có chức năng cụ thể hóa phạm vi và mức độ bồi thường thông qua các tham số định lượng. Các tham số này bao gồm số tiền bảo hiểm, giới hạn phụ⁵, mức khấu trừ, giá trị tài sản còn lại sau tổn thất và quyền truy đòi đối với bên thứ ba⁶. Việc áp dụng các tham số định lượng này bảo đảm tính minh bạch, hạn chế sự tùy nghi trong giải quyết bồi thường và tăng cường khả năng dự báo đối với cả doanh nghiệp bảo hiểm và người được bảo hiểm.

Ba là, căn cứ bồi thường mang tính pháp lý ràng buộc. Do được hình thành từ hợp đồng và được pháp luật thừa nhận, căn cứ bồi thường có giá trị bắt buộc đối với cả doanh nghiệp bảo hiểm và người được bảo hiểm. Khi phát sinh tranh chấp, tòa án hoặc trọng tài sẽ dựa vào chính các điều khoản hợp đồng, tức căn cứ bồi thường để giải quyết.

2.2. Nguyên tắc của căn cứ bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản

Thứ nhất, nguyên tắc tuân thủ điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản trước hết phải được xác định dựa trên những điều khoản cụ thể đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Đây là nguyên tắc cơ bản, phản ánh tính chất tự nguyện và ràng buộc pháp lý của quan hệ hợp đồng⁷. Theo đó, mức bồi thường không được quyết định bằng sự suy đoán công bằng hay cảm tính, mà phải dựa vào điều khoản. Nguyên tắc này bảo đảm sự tôn trọng tự do hợp đồng, khi chính sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và người được bảo hiểm trở thành căn cứ pháp lý trực tiếp để tính toán bồi thường. Đồng thời, nguyên tắc này còn bảo đảm

⁴ Tham khảo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản số C0023/TSTH/15/05/23 ngày 24/5/2023 giữa Công ty Cổ phần ô tô Minh Thanh và Công ty bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu nội bộ do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp).

⁵ *Lexington Insurance Company, Manuscript Domestic Property Policy Declarations*, Policy No. 013112988 (Boston, MA, 2017).

⁶ Bisco, J. M., & Fier, S. G. (2023). How's the recovery? Salvage and subrogation in the property liability insurance industry. *Journal of Insurance Regulation*, 42(3), p.3.

⁷ CILA Property Special Interest Group. (2017). *Indemnity basis of settlement: Practical problems in adjusting losses*. London: Chartered Institute of Loss Adjusters, p. 1.

tính dự đoán trước cho các bên, bởi phương thức bồi thường đã được xác lập rõ ngay từ khi giao kết hợp đồng. Ngoài ra, nguyên tắc này giúp cơ quan tài phán (tòa án, trọng tài) có cơ sở pháp lý rõ ràng để giải quyết tranh chấp, thay vì áp dụng suy đoán công bằng một cách tùy nghi. Tuy nhiên, tự do thỏa thuận không chấm dứt khi hợp đồng được ký kết, trong giai đoạn giải quyết bồi thường, các bên vẫn có thể thỏa thuận bổ sung hoặc điều chỉnh cách thức thực hiện bồi thường, miễn là sự thỏa thuận này không trái với các quy định pháp luật bắt buộc và vẫn đảm bảo nguyên tắc bồi thường⁸.

Thứ hai, nguyên tắc căn cứ bồi thường gắn với giá trị thực tế tại thời điểm và địa điểm tổn thất. Nguyên tắc này khẳng định căn cứ bồi thường phải phản ánh đúng giá trị thực của tài sản ngay tại thời điểm và nơi xảy ra thiệt hại. Việc định giá không thể dựa vào số liệu quá khứ, ước tính tương lai hoặc giá thị trường ở khu vực khác, bởi như vậy sẽ dẫn đến sai lệch⁹. Đây là thước đo khách quan giúp ngăn ngừa tình trạng bồi thường vượt quá hoặc thấp hơn thiệt hại thực tế. Theo quan điểm của Ana Keglević Steffek giải thích rằng bồi thường phải căn cứ vào giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm thiệt hại, nhằm khôi phục tình trạng trước mất mát, không được vượt quá thiệt hại thực tế¹⁰.

Thứ ba, nguyên tắc căn cứ bồi thường dựa trên giám định và định giá độc lập. Nguyên tắc này khẳng định mọi căn cứ bồi thường phải được xác lập trên cơ sở dữ liệu và tài liệu có thể kiểm chứng, không dựa vào suy đoán chủ quan của bất kỳ bên nào. Việc xác định mức bồi thường phải dựa trên kết quả giám định tổn thất do chuyên gia độc lập thực hiện, báo giá thị trường tại thời điểm xảy ra sự kiện, hoặc chứng thư thẩm định giá hợp pháp¹¹. Cách tiếp cận này ngăn ngừa tình trạng doanh nghiệp bảo hiểm áp đặt mức bồi thường thấp hơn thực tế hoặc người được bảo hiểm kê khai thiệt hại phóng đại. Khi căn cứ bồi thường được chứng minh bằng chứng cứ rõ ràng (báo cáo giám định, hóa đơn, chứng từ...), tính minh bạch và khách quan được bảo đảm, giúp củng cố niềm tin giữa các bên và nâng cao uy tín của doanh nghiệp bảo hiểm¹². Đồng thời, đây cũng là nền tảng để cơ quan tài phán có cơ sở khách quan giải quyết tranh chấp; ngược lại, nếu thiếu chứng cứ, quá trình xác định bồi thường dễ dẫn tới bất đồng và khiếu kiện kéo dài.

⁸ John Lowry, P. J. Rawlings, and Rob Merkin, *Insurance Law: Doctrines and Principles*, 3rd ed. (London: Hart Publishing, 2011), p. 618.

⁹ “The Broad Evidence Rule: A Trend in Loss Valuation,” *Sloane Walsh Attorneys at Law*, truy cập tại <https://sloaneandwalsh.com/the-broad-evidence-rule-a-trend-in-loss-valuation/>, truy cập ngày 27/8/2025.

¹⁰ Keglević Steffek, A. (2023). Trust and transparency in insurance contract law: European regulation and comparison of laws. *Cambridge Yearbook of European Legal Studies*, 25, pp. 12-15.

¹¹ Kagan, J. (2023, September 28). *Independent insurance adjuster: Meaning, examples and FAQs*. Investopedia, truy cập tại <https://www.investopedia.com/independent-insurance-adjuster-7107277>, truy cập ngày 27/8/2025.

¹² “Hướng dẫn bồi thường bảo hiểm tài sản”, Bảo hiểm BSH, truy cập tại <https://www.bsh.com.vn>, truy cập ngày 27/8/2025.

3. Thực trạng pháp luật về căn cứ bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản

Khi xảy ra tổn thất đối với tài sản do rủi ro đã được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo phương thức, mức độ và điều kiện theo quy định pháp luật và những nội dung đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Pháp luật ghi nhận hai cơ chế xác định nghĩa vụ bồi thường: (i) theo thỏa thuận hợp đồng và (ii) theo quy định pháp luật.

(i) Bồi thường theo thỏa thuận. Đây là hình thức phổ biến trong hợp đồng bảo hiểm tài sản, phản ánh nguyên tắc tự do hợp đồng và nguyên tắc thỏa thuận dân sự giữa các bên. Thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm là căn cứ ưu tiên hàng đầu để xác định mức bồi thường, hình thức bồi thường cũng như giới hạn trách nhiệm. Khoản 1 Điều 51 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 ghi nhận nguyên tắc này với cụm từ “trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm”. Việc cho phép “thỏa thuận khác” có thể dẫn đến việc các doanh nghiệp bảo hiểm soạn sẵn hợp đồng theo hướng bất lợi cho bên mua, đặc biệt là khách hàng cá nhân, không am hiểu pháp lý và ở thế yếu trong đàm phán. Từ đó, có thể hình thành những điều khoản miễn trừ, giới hạn trách nhiệm quá mức hoặc gây bất ngờ cho bên được bảo hiểm, dẫn đến tranh chấp phức tạp về nghĩa vụ bồi thường. Ở một số quốc gia theo hệ thống Ấn lệ như Anh và Mỹ, pháp luật cũng công nhận quyền thỏa thuận trước về giá trị tài sản được bảo hiểm trong hợp đồng. Tuy nhiên, theo một số học giả, pháp luật của các quốc gia này chưa quy định rõ ràng giới hạn cho quyền thỏa thuận, dẫn đến khó khăn trong việc xác định chính xác giá trị đã được thống nhất và tiềm ẩn rủi ro xác định giá trị tài sản cao hơn thực tế hoặc chi trả vượt mức thiệt hại thực tế. Riêng trong lĩnh vực bảo hiểm hàng hải, luật đã đặt ra giới hạn cụ thể, theo đó mức bồi thường không được vượt quá số tiền đã được ghi nhận trong hợp đồng bảo hiểm, dù tổn thất thực tế có thể nhỏ hơn, nhằm đảm bảo nguyên tắc bồi thường tương xứng và ngăn chặn hành vi trục lợi bảo hiểm¹³.

(ii) Bồi thường theo quy định pháp luật. Cơ chế bồi thường theo quy định tại Điều 51 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đóng vai trò là cơ chế bảo vệ mặc định trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm không có điều khoản rõ ràng hoặc điều khoản bị vô hiệu. Quy định này thể hiện nỗ lực lập pháp trong việc bảo vệ quyền lợi người được bảo hiểm bằng cách xác định bồi thường dựa trên giá thị trường, mức độ thiệt hại thực tế, không vượt quá số tiền bảo hiểm, và bao gồm chi phí hợp lý để hạn chế tổn thất. Tuy nhiên, quy định này vẫn tồn tại nhiều bất cập khi thực hiện trong thực tiễn. Cụ thể:

¹³ Omotolani Victoria Somoye, *Principle of Indemnity and Related Doctrines in Nigerian Insurance Law and Practice: A Comparative Study with the Counterparts in Other Jurisdictions* (Doctoral Thesis, Bangor University, School of Law, 2021), p. 69.

Thứ nhất, các cụm từ như “giá thị trường” và “mức độ thiệt hại thực tế” trong khoản 1 Điều 51 hiện chỉ được nêu một cách khái quát, mà chưa có quy định cụ thể về cách xác định hoặc công thức tính toán. Luật không làm rõ phải dựa vào bảng giá nào, do cơ quan nào ban hành, hay thời điểm nào được coi là “thị trường” phù hợp, cũng như không có tiêu chí rõ ràng để đánh giá mức độ thiệt hại là “thực tế”. Việc thiếu các quy định chi tiết này tạo điều kiện để doanh nghiệp bảo hiểm có thể tự diễn giải và áp dụng theo hướng có lợi cho mình, trong khi người được bảo hiểm lại không có công cụ pháp lý rõ ràng để phản biện. Hệ quả là nguyên tắc bồi thường theo luật dễ bị biến dạng trong quá trình thực hiện, làm giảm hiệu quả áp dụng của quy định pháp luật.

Thứ hai, quy định giới hạn số tiền bồi thường “không vượt quá số tiền bảo hiểm” theo khoản 2 Điều 51 là cần thiết để bảo vệ giới hạn trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm. Tuy nhiên, quy định này có thể dẫn đến tình trạng người được bảo hiểm chỉ được bồi thường một phần thiệt hại thực tế nếu số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị tài sản tại thời điểm xảy ra tổn thất (tình trạng bảo hiểm dưới giá trị). Pháp luật Việt Nam hiện chưa có cơ chế yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm phải định kỳ rà soát, cảnh báo hoặc tư vấn cho người mua về mức độ đầy đủ của số tiền bảo hiểm, cũng như chưa quy định rõ ràng trách nhiệm cung cấp thông tin khi tài sản biến động giá trị lớn theo thời gian. Hệ quả là người mua có thể vô tình ký hợp đồng với mức bảo hiểm thấp hơn giá trị thực, và khi tổn thất xảy ra, họ chỉ được chi trả một khoản bồi thường không đủ để phục hồi thiệt hại tài chính. Trong khi đó, theo hướng dẫn từ Chartered Insurance Institute (CII) của Anh, tình trạng thiếu bảo hiểm thường dẫn đến kết quả bồi thường không như kỳ vọng và gây thất vọng lớn cho người được bảo hiểm. Do đó, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hỗ trợ người mua xác định đúng giá trị rủi ro, duy trì mức bảo hiểm phù hợp thông qua các chỉ số điều chỉnh theo lạm phát và định giá lại định kỳ, đồng thời cần cung cấp đầy đủ thông tin về cách thức áp dụng điều khoản¹⁴. Nếu không có quy định tương tự, nguyên tắc giới hạn bồi thường trong Điều 51 dù hợp lý về mặt lý thuyết nhưng lại có thể gây thiệt hại thực tế cho người được bảo hiểm, làm suy giảm khả năng đạt được mục tiêu cốt lõi của bảo hiểm tài sản là khôi phục lại tình trạng tài chính như trước tổn thất.

Thứ ba, Điều 51 chưa quy định cơ chế bắt buộc về giám định độc lập hoặc phương thức xác minh tổn thất trung lập, trong khi bên mua thường ở vị trí yếu hơn, dễ bị áp đặt kết quả từ phía doanh nghiệp bảo hiểm. Trong thực tiễn, hầu hết các trường hợp xác định tổn thất đều do phía doanh nghiệp bảo hiểm trực tiếp hoặc thông qua đơn

¹⁴ Flaxmans & Chartered Insurance Institute (2024, July), *Claims and underinsurance: An average outcome! (Factsheet 13)*, truy cập tại <https://www.flaxmanpartners.co.uk/wp-content/uploads/2024/07/CII-Factsheet-July-2024-CLAIMS-AND-UNDERINSURANCE-1.pdf>, truy cập ngày 11/7/2025.

vị giám định có quan hệ hợp tác thực hiện, trong khi bên mua bảo hiểm vốn thường thiếu chuyên môn kỹ thuật và năng lực tài chính, không có điều kiện thuê giám định viên độc lập để đối chiếu. Hệ quả là người được bảo hiểm có thể phải chấp nhận kết luận giám định không phản ánh đầy đủ thiệt hại thực tế, hoặc bị gây khó khăn trong quá trình thương lượng bồi thường. Trong khi đó, ở Anh mặc dù Luật Bảo hiểm năm 2015 không quy định chi tiết về cơ chế “giám định kép”, nhưng theo hướng dẫn thực hành của BIBA và các chuẩn mực ngành, các bên trong hợp đồng bảo hiểm thương mại có thể áp dụng phương thức này để giải quyết tranh chấp về mức độ tổn thất. Cụ thể, mỗi bên được chỉ định một giám định viên độc lập, và nếu không đạt được thỏa thuận, hai giám định viên này sẽ cùng lựa chọn một trọng tài trung lập để đưa ra quyết định chung cuộc¹⁵. Cơ chế này góp phần đảm bảo tính công bằng, khách quan và rút ngắn thời gian xử lý tranh chấp trong thực tiễn bảo hiểm, đồng thời nâng cao vị thế thương lượng cho bên được bảo hiểm khi có bất đồng về giá trị tổn thất.

Thứ tư, khoản 3 Điều 51 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 quy định rằng ngoài số tiền bồi thường chính, doanh nghiệp bảo hiểm còn phải chi trả cho người được bảo hiểm những chi phí hợp lý, cần thiết theo thỏa thuận trong hợp đồng nhằm mục đích đề phòng, hạn chế tổn thất và thực hiện theo hướng dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm. Quy định này thể hiện bước tiến trong việc mở rộng phạm vi bồi thường, không chỉ giới hạn trong giá trị thiệt hại vật chất mà còn bao gồm các chi phí phát sinh có liên quan, qua đó khuyến khích người được bảo hiểm chủ động phòng ngừa thiệt hại và hợp tác trong quá trình xử lý tổn thất. Tuy nhiên, quy định này vẫn bộc lộ một số điểm bất cập như: (i) các tiêu chí để xác định thế nào là “chi phí hợp lý” và “cần thiết” chưa được làm rõ, không có quy chuẩn định lượng hoặc cơ chế đánh giá khách quan, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp bảo hiểm có thể viện dẫn lý do “không hợp lý” để từ chối chi trả; (ii) việc áp dụng khoản 3 còn phụ thuộc vào “thỏa thuận trong hợp đồng”, trong khi hầu hết hợp đồng bảo hiểm mẫu thường do doanh nghiệp soạn sẵn và có xu hướng loại trừ hoặc giới hạn điều khoản này, khiến quy định mang tính bảo vệ trở nên hình thức; (iii) pháp luật cũng chưa yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ giải thích rõ cho người mua về quyền được thanh toán chi phí này, dẫn đến việc bên mua không biết mình có thể được hoàn trả trong trường hợp nào, hoặc cần thực hiện thủ tục gì để được công nhận chi phí là hợp lý.

Để minh chứng rõ hơn cho những bất cập nêu trên, bài viết sẽ phân tích thực tiễn xét xử vụ tranh chấp liên quan đến bồi thường bảo hiểm tài sản, qua đó phản ánh khoảng cách giữa quy định pháp luật và việc thực hiện pháp luật trong thực tế, như sau:

¹⁵ British Insurance Brokers' Association (BIBA) & Mactavish (2016), *The Insurance Act 2015: An Implementation Guide*, pp. 35–36.

Vụ kiện giữa bà Tô Thị N. và Công ty Bảo hiểm Hàng không (VNI) liên quan đến hợp đồng bảo hiểm tàu cá, mặc dù bên mua bảo hiểm đã đóng phí đầy đủ và được cấp hợp đồng bảo hiểm theo đúng quy tắc của doanh nghiệp, nhưng khi tổn thất toàn bộ xảy ra, VNI đã từ chối bồi thường với nhiều lý do: không đủ định biên thuyền viên theo quy định của Thông tư 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2028 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản; không thực hiện bảo quản và trực vớt tài sản chìm đắm đúng quy trình theo Nghị định 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ về quy định xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, cảng biển và vùng biển Việt Nam; và cho rằng người được bảo hiểm tham gia bảo hiểm dưới giá trị nên chỉ được bồi thường theo tỷ lệ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều không chấp nhận các lập luận này, vì cho rằng việc không có thợ máy trên tàu đã được Tổng cục Thủy sản cho phép linh hoạt trong hướng dẫn hành chính; tàu cá không thuộc phạm vi điều chỉnh của Cảnh vụ hàng hải; không có bằng chứng về hành vi gian dối hay trục lợi; và hợp đồng bảo hiểm không quy định áp dụng bồi thường theo tỷ lệ trong trường hợp số tiền bảo hiểm thấp hơn thực tế. Cuối cùng, tòa buộc VNI phải bồi thường 1,9 tỷ đồng trên tổng số 2 tỷ theo hợp đồng, sau khi đã trừ giá trị tài sản trục vớt được¹⁶. Bản án này cho thấy rõ vai trò then chốt của báo cáo giám định tổn thất trong việc xác lập nghĩa vụ bồi thường, đồng thời cũng làm nổi bật sự lệch pha về quyền lực và kỹ thuật giữa doanh nghiệp bảo hiểm và người mua, đặc biệt khi không có cơ chế giám định độc lập mang tính bắt buộc hoặc khả thi để bảo vệ bên yếu thế. Việc doanh nghiệp bảo hiểm vừa là bên ban hành hợp đồng mẫu, vừa chỉ định giám định viên, lại có quyền quyết định kết quả bồi thường đã tạo ra một cấu trúc bất đối xứng quyền lực nghiêm trọng trong quan hệ bảo hiểm. Trong bối cảnh đó, quy định tại Điều 51 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, dù đã đặt ra nguyên tắc hợp lý về giá thị trường, mức thiệt hại thực tế và giới hạn trách nhiệm, vẫn chưa đủ hiệu lực nếu không được cụ thể hóa bằng các thiết chế hỗ trợ thực thi. Cụ thể, cần có hướng dẫn chi tiết về phương pháp định giá độc lập, quy trình giám định tổn thất đối xứng giữa hai bên, cũng như nghĩa vụ cung cấp và giải thích thông tin rõ ràng từ phía doanh nghiệp bảo hiểm.

Như vậy có thể khẳng định rằng căn cứ bồi thường là yếu tố quan trọng quyết định hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm tài sản. Đây không chỉ là cơ sở pháp lý để xác lập nghĩa vụ chi trả của doanh nghiệp bảo hiểm, mà còn là công cụ phản ánh mức độ công bằng, minh bạch và cân bằng lợi ích giữa các bên trong quan hệ bảo hiểm. Mặc dù Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã thiết lập một số nguyên tắc quan trọng, nhưng việc

¹⁶ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2023), *Bản án số 25/2023/DS-PT ngày 21/6/2023 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm giữa bà Tô Thị N và Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không*.

thiếu hướng dẫn chi tiết và cơ chế thực thi cụ thể dẫn đến căn cứ bồi thường vẫn chưa thực sự trở thành một cơ chế bảo vệ hiệu quả cho người được bảo hiểm.

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về căn cứ bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản

Thứ nhất, cần cụ thể hóa các khái niệm trong Điều 51 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022. Một trong những hạn chế lớn hiện nay là việc luật chỉ quy định chung chung các thuật ngữ như “giá thị trường”, “mức độ thiệt hại thực tế” hoặc “chi phí hợp lý” mà không kèm theo bất kỳ hướng dẫn nào. Để khắc phục, cần ban hành văn bản hướng dẫn dưới luật (như Nghị định hoặc Thông tư) quy định phương pháp xác định giá trị tài sản tại thời điểm tổn thất. Cụ thể, có thể yêu cầu căn cứ vào bảng giá do cơ quan Nhà nước ban hành (nếu có), hoặc sử dụng báo cáo định giá từ tổ chức định giá độc lập được cấp phép trong các trường hợp còn lại. Đồng thời, tiêu chí xác định tổn thất “thực tế” cũng cần được quy định rõ, bao gồm mức độ hư hỏng, chi phí sửa chữa, khấu hao và hiện trạng tài sản trước sự kiện bảo hiểm. Riêng với khoản 3 Điều 51, cũng cần hướng dẫn cụ thể các loại chi phí nào được xem là “hợp lý và cần thiết”, kèm theo quy chuẩn về chứng từ và điều kiện chi trả.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế định giá và giám định tổn thất mang tính trung lập và cân bằng. Một bất cập lớn trong thực tiễn là việc doanh nghiệp bảo hiểm vừa là bên soạn thảo hợp đồng, vừa chỉ định giám định viên tổn thất, dẫn đến nguy cơ thiên lệch về phía doanh nghiệp khi có tranh chấp. Để khắc phục, pháp luật cần bổ sung cơ chế “giám định độc lập song song”, theo đó mỗi bên trong hợp đồng có quyền chỉ định một giám định viên, và trong trường hợp hai bên không thống nhất được kết quả, họ phải cùng chỉ định một trọng tài trung lập để đưa ra quyết định cuối cùng. Ngoài ra, cần thiết lập danh sách các giám định viên độc lập có đủ điều kiện hành nghề, được quản lý bởi cơ quan chuyên trách như Bộ Tài chính. Cùng với đó, doanh nghiệp bảo hiểm cần có nghĩa vụ cung cấp thông tin rõ ràng cho người mua bảo hiểm về quyền được yêu cầu giám định độc lập ngay trong hợp đồng hoặc tài liệu giới thiệu sản phẩm.

Thứ ba, cần ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong việc phòng ngừa tình trạng bảo hiểm dưới giá trị. Thực tiễn cho thấy, phần lớn người được bảo hiểm không có khả năng tự xác định đúng giá trị tài sản, trong khi doanh nghiệp bảo hiểm hiện chưa có nghĩa vụ cảnh báo hay tư vấn. Theo kinh nghiệm của Chartered Insurance Institute (CII) tại Anh, tình trạng thiếu bảo hiểm thường dẫn đến bồi thường thấp hơn kỳ vọng, gây thất vọng cho người được bảo hiểm¹⁷. Do đó, doanh nghiệp bảo

¹⁷ Flaxmans & Chartered Insurance Institute (July 2024), *Claims and Underinsurance: An Average Outcome!* (Factsheet 13), truy cập tại: <https://www.flaxmanpartners.co.uk/wp-content/uploads/2024/07/CII-Factsheet-July-2024-CLAIMS-AND-UNDERINSURANCE-1.pdf>, truy cập ngày 11/7/2025.

hiểm có trách nhiệm chủ động hỗ trợ khách hàng thông qua các biện pháp như: (i) hướng dẫn xác định đúng giá trị rủi ro; (ii) định kỳ rà soát và định giá lại số tiền bảo hiểm, đặc biệt với hợp đồng dài hạn hoặc tài sản có biến động lớn về giá trị; (iii) áp dụng chỉ số điều chỉnh theo lạm phát để duy trì mức bảo hiểm phù hợp; và (iv) cung cấp đầy đủ thông tin trong hợp đồng và bản chào bán sản phẩm về hậu quả của việc bảo hiểm dưới giá trị, bao gồm việc bồi thường theo tỷ lệ. Trên cơ sở đó, pháp luật Việt Nam cần nội luật hóa các nghĩa vụ này, nhằm bảo đảm mục tiêu cốt lõi của bảo hiểm tài sản là khôi phục tình trạng tài chính của bên được bảo hiểm như trước tổn thất.

5. Kết luận

Căn cứ bồi thường không chỉ là cơ sở pháp lý để xác định nghĩa vụ chi trả trong hợp đồng bảo hiểm tài sản, mà còn là thước đo phản ánh mức độ minh bạch, công bằng và cân bằng lợi ích giữa các bên. Qua phân tích có thể thấy pháp luật Việt Nam tuy đã bước đầu đặt nền móng tại Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, nhưng vẫn cần được cụ thể hóa và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Việc chuẩn hóa phương pháp định giá, thiết lập cơ chế giám định trung lập và tăng cường trách nhiệm thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm sẽ góp phần giảm thiểu tranh chấp, nâng cao niềm tin của người tham gia bảo hiểm, đồng thời khẳng định vai trò của bảo hiểm tài sản như một cơ chế pháp lý hiệu quả trong quản lý rủi ro và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2022), *Luật Kinh doanh bảo hiểm*, Luật số 08/2022/QH15 ban hành ngày 16 tháng 06 năm 2022.
2. British Insurance Brokers' Association (BIBA) & Mactavish (2016), *The Insurance Act 2015: An Implementation Guide*.
3. Bisco, J. M., & Fier, S. G. (2023). *How's the recovery? Salvage and subrogation in the property liability insurance industry*, *Journal of Insurance Regulation*, 42(3).
4. CILA Property Special Interest Group. (2017). *Indemnity basis of settlement: Practical problems in adjusting losses*. London: Chartered Institute of Loss Adjusters.
5. Flaxmans & Chartered Insurance Institute. (2024, July). *Claims and underinsurance: An average outcome! (Factsheet 13)*, truy cập tại <https://www.flaxmanpartners.co.uk/wp-content/uploads/2024/07/CII-Factsheet-July-2024-CLAIMS-AND-UNDERINSURANCE-1.pdf>, truy cập ngày 11/7/2025.
6. Insuranceopedia. (2025, January 9). *Indemnity basis*. Insuranceopedia, truy cập tại <https://www.insuranceopedia.com/definition/5800/indemnity-basis-insurance>, truy cập ngày 27/8/2025.

7. Jonathon C. Held & Heidi Hudson Raschke (2024), *Defining Indemnity in the Context of Actual Cash Value Calculations*, 2nd ed., J.S. Held & Carlton Fields.
8. Kagan, J. (2023, September 28). *Independent insurance adjuster: Meaning, examples and FAQs*. Investopedia, truy cập tại <https://www.investopedia.com/independent-insurance-adjuster-7107277>, truy cập ngày 27/8/2025.
9. Keglević Steffek, A. (2023), *Trust and transparency in insurance contract law: European regulation and comparison of laws*, *Cambridge Yearbook of European Legal Studies*, 25.
10. “*Hướng dẫn bồi thường bảo hiểm tài sản*”, Bảo hiểm BSH, truy cập tại <https://www.bsh.com.vn>, truy cập ngày 27/8/2025.
11. Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản số C0023/TSTH/15/05/23 ngày 24/5/2023 giữa Công ty Cổ phần ô tô Minh Thanh và Công ty bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh (tài liệu nội bộ do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp).
12. *Lexington Insurance Company, Manuscript Domestic Property Policy Declarations*, Policy No. 013112988 (Boston, MA, 2017).
13. Omotolani Victoria Somoye, *Principle of Indemnity and Related Doctrines in Nigerian Insurance Law and Practice: A Comparative Study with the Counterparts in Other Jurisdictions* (Doctoral Thesis, Bangor University, School of Law, 2021).
14. Toàn án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2023), *Bản án số 25/2023/DS-PT* ngày 21/6/2023 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm giữa bà Tô Thị N và Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm hàng không.
15. The Broad Evidence Rule: A Trend in Loss Valuation, *Sloane Walsh Attorneys at Law*, truy cập tại <https://sloaneandwalsh.com/the-broad-evidence-rule-a-trend-in-loss-valuation/>, truy cập ngày 27/8/2025.
16. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng.